

Đánh giá chất lượng giảng dạy các học phần Tiếng Nhật tổng hợp tại Trường Đại học Ngoại thương

Đinh Thị Ngọc Quỳnh

Email: quynhdt.njp@ftu.edu.vn
Trường Đại học Ngoại thương
91 Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Các học phần Tiếng Nhật tổng hợp có vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo chuyên ngành Tiếng Nhật thương mại tại Trường Đại học Ngoại thương. Đây là những học phần cơ bản, cung cấp kiến thức nền tảng cho các học phần kĩ năng cũng như chuyên ngành. Bài viết phân tích, đánh giá thực trạng giảng dạy Tiếng Nhật tổng hợp thông qua việc khảo sát hơn 200 sinh viên và cựu sinh viên. Trên cơ sở kết quả khảo sát, bài viết đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

TỪ KHÓA: Đánh giá, tiếng Nhật tổng hợp, chất lượng giảng dạy.

→ Nhận bài 04/5/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 28/6/2023 → Duyệt đăng 15/7/2023.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12310709>

1. Đặt vấn đề

Ngoại ngữ được coi là chìa khóa vàng để hội nhập quốc tế. Chất lượng giảng dạy ngoại ngữ vừa là thước đo, vừa là nhân tố tác động trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới trong thời đại công nghiệp 4.0. Chất lượng giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Nhật nói riêng được đánh giá bởi các tiêu chí khác nhau, trong đó quan trọng nhất là nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá và cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy. Nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ là yêu cầu cấp thiết nhưng đòi hỏi thời gian để đánh giá.

Khoa tiếng Nhật - Trường Đại học Ngoại thương đã có hơn 15 năm xây dựng và phát triển chuyên ngành Tiếng Nhật thương mại. Khoa luôn chú trọng đổi mới nội dung chương trình giảng dạy, tìm tòi và phát triển thế mạnh riêng của mình để thu hút sinh viên, đồng thời đặt ra mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có bản sắc riêng, đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Nếu như những khóa đầu tiên sinh viên thi đầu vào là khối D1- chưa biết tiếng Nhật thì gần đây số lượng sinh viên thi đầu vào bằng tiếng Nhật (khối D6) tăng dần qua từng năm. Khó khăn đặt ra đối với công tác giảng dạy ở những học phần đầu tiên (Tiếng Nhật tổng hợp) là làm thế nào để dung hòa được hai khối sinh viên này về nội dung cũng như phương pháp giảng dạy. Với mục đích tháo gỡ khó khăn, tìm ra giải pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy ở các học phần Tiếng Nhật tổng hợp, tác giả thực hiện khảo sát để phân tích, đánh giá chất lượng giảng dạy.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu, cơ sở lý thuyết, phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Tổng quan nghiên cứu

Trên thế giới, đã có nhiều nghiên cứu về chất lượng giáo dục đại học nói chung. Gurney (2007) chỉ ra nội dung giảng dạy, các phương pháp giảng dạy đóng vai trò quan trọng để tạo ra chất lượng giảng dạy, đáp ứng được tối đa các yêu cầu của người học. Toland & De Ayala (2005) cho rằng, có 9 yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy (nội dung chương trình, thiết kế giảng dạy, giảng viên, trình độ của giảng viên, động cơ, mối quan hệ giữa giảng viên và sinh viên, mối quan hệ giữa các sinh viên, bài tập, đánh giá sinh viên). Như vậy, có thể thấy rằng, để nâng cao chất lượng giảng dạy phải có sự đồng bộ giữa các nhóm giải pháp.

Liên quan đến giảng dạy ngoại ngữ, Waters & Vicleches (2001) đưa ra 4 giải pháp cải tiến giảng dạy ngoại ngữ là: phát triển chương trình giảng dạy, đào tạo giảng viên, đào tạo chuyên gia giáo dục và đào tạo nhà quản lí. Trong khi đó, Markee (1997) tổng hợp 5 mô hình cải tiến cơ bản trong giảng dạy ngoại ngữ (tương tác xã hội, trung tâm ngoại vi, nghiên cứu - phát triển - truyền bá, giải quyết vấn đề, liên kết) và nhấn mạnh vai trò của giảng viên. Kataoka (2001) nhấn mạnh tầm quan trọng của “Bộ tiêu chuẩn cho việc học ngoại ngữ thế kỉ XXI” và cho rằng, bộ tiêu chuẩn này giúp xác định và xây dựng mục tiêu học tập, từ đó có hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ.

Bản về chất lượng giảng dạy tiếng Nhật, Muraoka (2001) khẳng định vai trò của việc xây dựng tài liệu giảng dạy và phương pháp giảng dạy. Ushida (2007) kết luận rằng, để nâng cao chất lượng giảng dạy cần phải xây dựng bộ tiêu chuẩn trong giảng dạy tiếng Nhật bằng cách kết hợp ưu điểm và lợi ích của bộ tiêu chuẩn

cho việc học ngoại ngữ của Mỹ hay khung tiêu chuẩn của Châu Âu. Ngoài ra, Chang (2015) từ thực trạng của đào tạo tiếng Nhật ở Đài Loan đã đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy như quan tâm đến nhu cầu của xã hội và người học; định vị, tìm kiếm mục tiêu, phát triển các khóa học đặc trưng, thực hiện các hoạt động cụ thể. Nghiên cứu của Yasuhara (2019) cho rằng, các cơ sở đào tạo tiếng Nhật ở nước ngoài cần xây dựng chương trình đào tạo sử dụng các bài học tương tác chú trọng quyền tự chủ của người học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

Ở Việt Nam, về giảng dạy tiếng Nhật, Cao Lê Dung Chi (2017) đã phân tích đặc trưng của đào tạo tiếng Nhật tại Việt Nam. Tác giả cho rằng, để cải tiến chất lượng giảng dạy trong đào tạo tiếng Nhật hiện nay, đặc biệt ở bậc Đại học thì việc cấp thiết nhất là cải thiện chất lượng đội ngũ giáo viên. Tác giả cũng đề xuất các giải pháp như tổ chức các chuyên đề tập huấn, xây dựng các quy định mang tính chuẩn mực chung đối với giáo viên tiếng Nhật, xây dựng mạng lưới liên kết giữa các giáo viên trong và ngoài nước. Đào Thị Nga My (2018) cũng khẳng định tầm quan trọng của mạng lưới giáo dục tiếng Nhật thế giới nhằm tiếp thu những kiến thức mới, học hỏi kinh nghiệm để nâng cao chất lượng giảng dạy. Ngoài ra, còn có các nghiên cứu khác về chất lượng giảng dạy nhưng chỉ tập trung vào đổi mới, ứng dụng phương pháp giảng dạy mới như giảng dạy tiếng Nhật hội thoại trực tuyến (Thân Thị Mĩ Bình (2020)) đề xuất phương pháp giảng dạy về nội-ngoại động từ trong tiếng Nhật (Trần Thị Minh Phương (2020)),...

Như vậy, có thể thấy, các nghiên cứu ngoài nước cũng đề cập đến nhiều khía cạnh trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ nói chung và tiếng Nhật nói riêng. Tuy nhiên, ít có nghiên cứu cụ thể về giảng dạy các học phần Tiếng Nhật tổng hợp.

2.1.2. Cơ sở lý thuyết

a. Chất lượng giảng dạy

Hoạt động giảng dạy có tác động xuyên suốt đến quá trình học tập của người học. Nói đến chất lượng giảng dạy, không chỉ đề cập đến chứng chỉ của giáo viên mà còn liên quan đến quan điểm mà giáo viên mang đến cho lớp học, chiến lược giảng dạy mà họ sử dụng, các hoạt động tổ chức xung quanh của trường học và cộng đồng. Vì vậy, nội dung, phương pháp, phong cách giảng dạy là những thành tố quan trọng tạo nên chất lượng giảng dạy. Harvey & Green (1993) chỉ ra 5 khía cạnh về chất lượng giảng dạy tùy theo quan điểm của các đối tượng liên quan như giáo viên, sinh viên, người sử dụng lao động... bao gồm: Chất lượng là sự xuất sắc (quality as excellence); Chất lượng là sự hoàn hảo (quality as perfection); Chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu (quality as fitness for purpose); Chất

lượng là sự đáng giá với đồng tiền (quality as value for money); Chất lượng là sự chuyển đổi về chất (quality as transformation).

b. Chất lượng giảng dạy ngoại ngữ

Giảng dạy ngoại ngữ cũng giống như việc giảng dạy nói chung, cần đạt được chuẩn đầu ra, đáp ứng nhu cầu của người học nói riêng và xã hội nói chung. Những vấn đề liên quan đến chất lượng giảng dạy ngoại ngữ được đề cập trong khung tham chiếu Châu Âu về ngôn ngữ (CECRL/CEFR). Theo đó, dạy và học ngoại ngữ chịu ảnh hưởng qua lại giữa giảng viên và người học. Danielle Joulia (2003) cho rằng, chất lượng là sự kết hợp của quá trình dạy - học: người học (bao gồm trình độ và động cơ học tập), nguồn lực phục vụ người dạy và người học (gồm có giáo trình, từ điển, phần mềm hỗ trợ, Internet...), người dạy (nội dung, phương pháp dạy học phù hợp nhằm tạo động lực, khuyến khích khả năng tự học...).

Nói tóm lại, chất lượng giảng dạy ngoại ngữ được đo bằng sự phù hợp của sản phẩm (trình độ, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ của người học) với mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Chất lượng giảng dạy ngoại ngữ chịu ảnh hưởng từ những yếu tố sau: nội dung giảng dạy, phương pháp và công cụ giảng dạy, mối quan hệ người dạy - người học.

c. Đánh giá chất lượng giảng dạy

Đánh giá là việc căn cứ vào các tiêu chí để xác định sự đáp ứng của sản phẩm đầu ra, phân tích kết quả, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng. Howard L. Fleischman & Laura Williams (1996) xác định đánh giá là một công cụ giúp người dạy xác nhận nội dung và phương pháp giảng dạy có theo đúng kế hoạch và đạt được mục tiêu hay không. Đây cũng là cơ sở để người dạy sửa đổi chương trình cũng như phương pháp cho phù hợp. Đồng quan điểm, L. Dee Fink (1999) nhận định rằng, đánh giá chất lượng giảng dạy bao gồm đánh giá tổng quát và đánh giá cụ thể hoạt động giảng dạy nhằm chỉ ra các điểm tốt cũng như điểm cần cải thiện. Đây là quá trình xây dựng những nhận định, phân tích thông tin, đối chiếu với mục tiêu, đánh giá kết quả và đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

Ở Việt Nam, theo Lê Đình (2008), mục đích để thực hiện đánh giá chất lượng giảng dạy nhằm xác định tính hiệu quả, sự hấp dẫn của nội dung giảng dạy để đưa ra các đề xuất nâng cao chất lượng giảng dạy. Ngoài ra, kết quả của việc đánh giá còn là cơ sở để tiến hành các việc như nâng lương, đề bạt,... Nguyễn Kim Dung (2008) nhấn mạnh vào mục tiêu cuối cùng là kiểm soát chất lượng của cơ sở giáo dục nên đưa ra nhận định đánh giá là một hình thức chẩn đoán, xem xét chất lượng của việc giảng dạy, học tập, chi tiết nội dung chương trình đào tạo, cơ cấu và hiệu quả của cơ sở đào tạo.

Như vậy, dù tiếp cận theo hướng nào thì việc đánh

giá chất lượng giảng dạy là nhiệm vụ cần thiết của bất kì chương trình đào tạo vì đó là thước đo cũng như tiêu chí đảm bảo sự tồn tại của cơ sở giáo dục.

d. Các công cụ, tiêu chí đánh giá

Đánh giá chất lượng giảng dạy là nhiệm vụ quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng học phần nói riêng và của cơ sở giáo dục nói chung.

Về công cụ, có thể thực hiện đánh giá bằng bộ phiếu hỏi điều tra khảo sát, các câu hỏi phỏng vấn sâu,... Khi thiết kế, xây dựng công cụ đánh giá cần đi từ những công cụ đơn giản nhất (phiếu trưng cầu ý kiến, phiếu hỏi...) đến hình thức phức tạp (thang đo chuẩn, trắc nghiệm chuẩn). Nhưng quan trọng nhất phải xác định được đối tượng và mục đích đo lường đảm bảo theo đúng quy trình, tính nguyên tắc, khoa học và thực tiễn nhằm thu được dữ liệu và thông tin một cách chính xác, có độ tin cậy cao.

Về tiêu chí đánh giá, Arreola (2000) đã tổng hợp các lĩnh vực mà các cơ sở giáo dục thường đánh giá: Hoạt động giảng dạy (đánh giá học phần, chương trình đào tạo...); Nghiên cứu khoa học; Dịch vụ chuyên môn.

Trong nghiên cứu của mình, Phạm Xuân Thanh (2004) đưa ra một số tiêu chí để đánh giá môn học, học phần: Mục đích, yêu cầu môn học/học phần rõ ràng; Môn học/học phần được giảng dạy tốt; Nội dung môn học/học phần có ích đối với sinh viên; Tài liệu học tập được cung cấp đầy đủ; Khối lượng chương trình phù hợp; Sinh viên được động viên, khuyến khích học tốt; Sinh viên nhận được đánh giá bổ ích về trong suốt quá trình học tập; Giáo viên quan tâm đến nhu cầu nâng cao kiến thức và kỹ năng của sinh viên; Quá trình kiểm tra đánh giá được thực hiện công bằng và khách quan.

Tổng hợp các nghiên cứu của Bourke (1986), Rowly (1996), AYER(1999), DETYA (2000), các tiêu chí đánh giá chất lượng có thể áp dụng và triển khai tại các cơ sở giáo dục ở Việt Nam như sau: Mục tiêu đào tạo rõ ràng; Tuyển sinh đầu vào đảm bảo độ tin cậy; Cấu trúc chương trình có hệ thống, liên quan chặt chẽ với nhau; Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo; Thái độ học tập tích cực của sinh viên; Trình độ chuyên môn và sự nhiệt tình của giáo viên; Tài liệu học tập được đảm bảo; Có các đơn vị chuyên trách quản lý hoạt động giảng dạy; Đảm bảo số lượng giáo viên phù hợp với quy mô đào tạo; Tỷ lệ giáo viên - sinh viên hợp lý; Số lượng môn học/học phần đảm bảo tính linh hoạt để sinh viên lựa chọn.

Như vậy, có nhiều tiêu chí để đánh giá chất lượng giảng dạy tùy thuộc vào quan điểm cũng như góc độ đánh giá.

2.1.3. Phương pháp nghiên cứu

07 học phần Tiếng Nhật tổng hợp được xây dựng và thiết kế với mục tiêu rõ ràng và cụ thể về kiến thức cũng

như về kỹ năng. Qua từng học phần, các kỹ năng sẽ được nâng cao về mức độ nhằm hoàn thiện và hướng tới khả năng sử dụng ngôn ngữ thành thạo.

Đối tượng nghiên cứu là chất lượng giảng dạy các học phần Tiếng Nhật tổng hợp, cụ thể là các yếu tố quyết định chất lượng giảng dạy.

Nghiên cứu này đã sử dụng phương pháp điều tra bằng câu hỏi và phỏng vấn trực tiếp. Đối tượng điều tra là hơn 200 sinh viên và cựu sinh viên chuyên ngành Tiếng Nhật thương mại tại Trường Đại học Ngoại thương. Bộ câu hỏi được xây dựng dựa vào các nghiên cứu của Bourke (1986), Rowly (1996), AYER(1999), DETYA (2000).

Sau khi có kết quả từ các phiếu điều tra, tác giả đã phân tích thống kê để phân tích thực trạng giảng dạy Tiếng Nhật tổng hợp cho chuyên ngành Tiếng Nhật thương mại tại Trường Đại học Ngoại thương.

2.2. Kết quả và thảo luận

2.2.1. Nội dung chương trình

Nội dung chương trình giảng dạy là yếu tố quan trọng để đánh giá chất lượng. Nội dung phải đảm bảo lượng kiến thức đáp ứng chuẩn đầu ra của môn học và của cả chương trình đào tạo. Chương trình giảng dạy cần được cấu trúc hợp lý và có hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học (xem Bảng 1).

Về nội dung chương trình học, trên 90% sinh viên cơ bản đồng ý với đề cương, cấu trúc, sự phù hợp với trình độ của người học. Có gần 10% cho rằng, sự phân bố giữa lý thuyết và thực hành chưa hợp lý. Tác giả đã tiến hành phỏng vấn sâu sinh viên, có thể giải thích về con số này là bởi có sự chênh lệch về trình độ (sinh viên đã biết tiếng Nhật cần nhiều thực hành hơn nhưng sinh viên khi vào đại học mới bắt đầu học tiếng Nhật lại muốn được giảng kỹ về lý thuyết).

Do hạn chế về thời gian của học chế tín chỉ nên việc phân bổ cả 4 kỹ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết chưa hợp lý trong các học phần. Vì vậy, chỉ có hơn 40% sinh viên trả lời ở mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý. Có hơn 20% sinh viên thấy có sự chênh lệch giữa các kỹ năng. Nhìn vào kết quả khảo sát, có thể nhận thấy rõ kỹ năng Đọc được chú ý nhiều hơn so với các kỹ năng khác. Nghe là một kỹ năng khó và gần đây hầu hết do giáo viên Việt Nam đảm nhận nên chưa phát huy được khả năng nghe hiểu cho sinh viên. Các kỹ năng đầu ra như Viết và Nói cũng nhận được gần 20% phản hồi không đồng ý. Như vậy có thể thấy sự phân bổ không đồng đều giữa 4 kỹ năng trong các học phần Tiếng Nhật tổng hợp.

Chỉ có 50% sinh viên tham gia khảo sát đánh giá sự cập nhật giáo trình ở mức độ đồng ý và hoàn toàn đồng

Bảng 1: Đánh giá nội dung chương trình

Nội dung	Câu trả lời và tỉ lệ (%)				
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Cơ bản là đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Đề cương các học phần được phổ biến rõ ràng, phù hợp với chương trình đào tạo, dễ tiếp cận đối với sinh viên.	0,43	3,42	26,50	35,47	34,19
2. Cấu trúc các học phần phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành.	1,72	6,90	34,91	29,31	27,16
3. Nội dung các học phần phù hợp với trình độ của sinh viên.	0,00	9,96	30,74	31,17	28,14
4. Các học phần Tiếng Nhật tổng hợp cung cấp cho sinh viên kĩ năng.					
Nghe	0,44	12,33	25,99	36,56	24,67
Nói	0,88	13,60	24,56	34,21	26,75
Đọc	0,44	5,70	24,12	38,16	31,58
Viết	0,45	10,31	26,91	31,84	30,49
5. Các học phần phân bổ hợp lý về thời gian giữa 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết.	1,29	18,45	36,05	28,76	15,45
6. Giáo trình, tài liệu có tính cập nhật.	2,63	14,47	31,14	28,95	22,81

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

ý. Trong thời đại công nghệ 4.0 với nhiều nguồn thông tin, khả năng tự học không giới hạn cũng là thách thức đối với giảng viên nếu không đưa những kiến thức mới vào bài giảng của mình.

2.2.2. Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp giảng dạy ở bậc Đại học hiện nay đều tập trung phát huy việc học tập tích cực; cụ thể hóa và ứng dụng công nghệ vào hoạt động giảng dạy.

Đa số sinh viên đánh giá cao về phương pháp giảng dạy. Trong đó, gần 100% sinh viên đánh giá hoạt động nhóm và thực hành phong phú được tổ chức ngay trong buổi học ở mức cơ bản đồng ý trở lên. Do đặc thù là ngôn ngữ nên các học phần Tiếng Nhật tổng hợp được phân bổ thời gian thực hành gấp 2 lần lý thuyết để sinh viên có thể vận dụng ngay kiến thức vừa học. Việc tổ

chức các hoạt động là cần thiết để tránh cho giờ học không bị nặng nề và cứng nhắc (xem Bảng 2).

Việc khuyến khích sự chủ động và sáng tạo của sinh viên trong học tập được đánh giá cao nhất với gần 70% câu trả lời ở mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý. Hơn 50% sinh viên đồng ý sự hướng dẫn tự học cụ thể, rõ ràng và hiệu quả. Hiện nay, học chế tín chỉ được áp dụng trong hầu hết các trường Đại học. Bản chất của học chế tín chỉ là lấy người học làm trung tâm, tăng tính chủ động cho người học để họ có thể học theo năng lực và điều kiện của bản thân. Như vậy, có thể nói, giảng viên đã hoàn thành tốt vai trò là người hướng dẫn trong hoạt động dạy học.

Hơn 10% sinh viên không thấy được mối liên hệ thực tiễn trong bài giảng. Gần 20% câu trả lời không đồng ý với ý kiến về sự thay đổi phương pháp giảng dạy theo

Bảng 2. Đánh giá về phương pháp giảng dạy

Nội dung	Câu trả lời và tỉ lệ (%)				
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Cơ bản là đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Phương pháp giảng dạy, truyền đạt rõ ràng dễ hiểu.	0,44	1,32	29,96	38,77	29,52
2. Giảng viên thường xuyên liên hệ bài học với thực tiễn.	1,33	9,78	31,11	36,89	20,89
3. Phương pháp giảng dạy phong phú, thay đổi theo từng nội dung.	0,87	11,26	32,90	33,33	21,65
4. Giảng viên khuyến khích sự chủ động và sáng tạo của sinh viên trong học tập.	0,00	4,74	25,43	40,95	28,88
5. Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự học cụ thể, rõ ràng, hiệu quả.	0,43	9,40	35,90	32,05	22,22

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

từng nội dung. Việc sử dụng một phương pháp giảng dạy gây ra sự nhầm lẫn và làm giảm động cơ học tập của sinh viên.

2.2.3. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Kiểm tra, đánh giá đóng vai trò quan trọng trong quá trình dạy và học. Bằng các phương pháp thích hợp có thể đánh giá được khả năng tiếp thu bài, vận dụng kiến thức của người học, đồng thời là động lực để thúc đẩy tinh thần học tập, là cơ sở để cải tiến và nâng cao chất lượng giảng dạy.

Hệ thống các bài kiểm tra tương đối nhiều với tần suất lớn. Tuy nhiên, hầu hết sinh viên đồng ý với nội dung, phạm vi và cách thức tiến hành kiểm tra đang thực hiện. Kết quả các bài mini test và kanji test không tính vào điểm thành phần mà chỉ để xác nhận chuyên cần của sinh viên. Vì vậy, nhiều sinh viên chưa có ý thức với các bài kiểm tra này. Hơn 30% sinh viên không đồng ý đưa những bài kiểm tra đầu giờ vào thành phần điểm của học phần. Kết quả phỏng vấn sâu cho biết sinh viên không muốn bị áp lực vì điểm số với tần suất kiểm tra như hiện nay.

Một con số đáng chú ý là có hơn 12% sinh viên cho rằng, hình thức đánh giá kết quả học tập còn chưa đa dạng. Thực tế hiện nay mới chỉ tổ chức ở hình thức thi viết (giữa kì và cuối kì), vấn đáp (cuối kì) nên chưa đánh giá được một cách đầy đủ về 4 kĩ năng của sinh viên.

2.2.4. Về môi trường học tập

Môi trường học tập cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy. Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung vào người dạy, người học và cơ sở vật chất. Kết quả khảo sát về giảng viên cho thấy, sinh viên đánh giá rất cao về sự thân thiện (hơn 70%), nhiệt tình có trách nhiệm (82%), quan tâm đến sự tiến bộ của sinh viên (75%). Như vậy, có thể nói, giảng viên bên

canh việc giảng dạy đã rất sát sao, quan tâm đến việc học, tâm lí của sinh viên.

Cơ sở vật chất phục vụ cho việc học chưa được đánh giá cao. Gần 30% câu trả lời không đồng ý với ý kiến về sự linh hoạt của lớp học. Gần 50% sinh viên gặp trở ngại khi không có wifi trong lớp học để tra cứu khi cần. Gần 30% sinh viên không tìm được tài liệu học tiếng Nhật ở thư viện. Điều đó cho thấy, các công cụ hỗ trợ người học chưa được đáp ứng, làm giảm chất lượng giảng dạy. Như vậy, có thể thấy, chất lượng giảng dạy các học phần Tiếng Nhật tổng hợp được đánh giá tốt nhưng vẫn còn những hạn chế nhất định, chưa phát huy được hết khả năng sử dụng thành thạo 4 kĩ năng của sinh viên. Ngoài ra, môi trường học tập, đặc biệt là cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu của thời đại mới, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giảng dạy và học tập.

2.3. Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy các học phần Tiếng Nhật tổng hợp tại Trường Đại học Ngoại thương

Sau khi phân tích thực trạng giảng dạy các học phần Tiếng Nhật tổng hợp tại Trường Đại học Ngoại thương, tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy như sau:

a. Về nội dung chương trình

Thứ nhất, cần điều chỉnh nội dung chương trình theo hướng linh hoạt để sinh viên có thể tự lựa chọn lộ trình học tập phù hợp, cho phép học vượt để tiết kiệm thời gian, hạn chế chênh lệch trình độ lớn.

Thứ hai, cần thiết kế lại nội dung của từng buổi học, điều chỉnh tỉ lệ giữa lí thuyết và thực hành. Thực tế, trong thời đại công nghệ 4.0 hiện nay, chỉ cần hướng dẫn sinh viên khai thác các nguồn học liệu bảo đảm tin cậy thì sinh viên có thể tự học lí thuyết. Trên lớp, tăng cường thực hành cũng là cách để sinh viên nắm chắc kiến thức hơn và hướng tới sử dụng thành thạo.

Bảng 3: Đánh giá về phương pháp kiểm tra đánh giá

Nội dung	Câu trả lời và tỉ lệ (%)				
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Cơ bản là đồng ý	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1. Nội dung kiểm tra phù hợp với nội dung, mục tiêu của học phần.	0,85	5,13	31,62	35,90	26,50
2. Phạm vi kiểm tra phù hợp, thời gian làm bài hợp lí.	3,43	10,30	30,47	36,05	19,74
3. Tần suất các bài kiểm tra mini test, kanji test hợp lí.	0,00	5,60	37,07	34,91	22,41
4. Nên lấy kết quả các bài kiểm tra mini test, kanji test vào điểm thành phần của học phần.	15,68	15,68	22,88	22,03	23,73
5. Kết quả học tập được đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau.	1,71	11,54	34,62	29,91	22,22
6. Kết quả kiểm tra đánh giá chính xác trình độ, năng lực của sinh viên.	0,86	5,15	41,63	32,19	20,17

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Thứ ba, cần tính toán phân bổ thời gian cho 4 kĩ năng Nghe - Nói - Đọc - Viết cho hợp lí để có thể phát triển toàn diện và đồng đều cho sinh viên. Theo tiến độ hiện nay, 1 bài được chia thành 2 buổi học. Vì vậy, có thể phân bổ kĩ năng Đọc và Nói để thực hành mẫu câu và từ vựng mới trong buổi lí thuyết. Triển khai kĩ năng Nghe và Viết trong buổi thực hành. Ngoài ra, cần đặc biệt cần chú trọng hơn các kĩ năng đầu ra. Ví dụ, thiết kế các giờ tự học theo cơ chế phản hồi. Sinh viên nộp bài viết hoặc video phần nói vào các hệ thống học tập trực tuyến (ms teams, padlet...) để giảng viên chấm, chữa trực tiếp.

Thứ tư, cần cập nhật tài liệu giảng dạy và học tập theo xu hướng mở. Giáo trình không nhất thiết phải là sách giáo khoa, sách tham khảo mà có thể là các bản tin thời sự, nội dung tranh luận trong các buổi hội thảo,... được chọn lọc cẩn thận, đảm bảo tính chính xác.

b. Về phương pháp giảng dạy

Thứ nhất, tăng cường tổ chức thường xuyên các buổi hội thảo khoa học tập huấn giảng viên về phương pháp giảng dạy tiếng Nhật với các nội dung phong phú, hữu ích. Đồng thời, cần có những quy định cụ thể, chặt chẽ để tất cả giảng viên phải tham gia, chia sẻ, trao đổi, học hỏi lẫn nhau, từ đó lan tỏa, nâng cao hơn nữa chất lượng đội ngũ giảng viên, nâng cao chất lượng đào tạo.

Thứ hai, cần phân tích, đánh giá đầy đủ, thường xuyên hơn nữa việc hướng dẫn người học thực hiện các chiến lược tự học, học thông qua giải quyết tình huống thực tế, học qua mạng Internet.

Thứ ba, giảng viên cần thiết kế bài giảng của mình một cách linh động và thực tế hơn. Hạn chế sử dụng tiếng Việt, đặc biệt là trong các giờ thực hành nhằm nâng cao hơn nữa năng lực nghe, nói của sinh viên.

c. Về phương pháp kiểm tra đánh giá

Để sinh viên có ý thức hơn với việc học, đồng thời giảm bớt áp lực về tần suất kiểm tra mà vẫn duy trì được việc đánh giá thường xuyên thì nên ghép ngữ pháp, từ vựng và kanji thành một bài. Hơn nữa, cần đa dạng hóa hình thức kiểm tra đánh giá bằng cách

tiến hành kiểm tra các kĩ năng nghe và nói trong quá trình học. Cách thức có thể trực tiếp trong giờ thực hành hoặc giao nhiệm vụ trên các nền tảng ms teams, padlet, ...

d. Về môi trường học tập

Thế kỉ XXI gắn liền với sự phát triển của khoa học công nghệ, đặc biệt là sự kết nối không giới hạn. Do vậy, phía nhà trường cần đầu tư cơ sở vật chất, đặc biệt là đường truyền Internet trong các lớp học, bố trí không gian các phòng học linh động (nhằm tăng tương tác trong giờ học) cho việc học ngoại ngữ nói chung và đặc thù cho tiếng Nhật nói riêng. Đồng thời, cần triển khai các khoá học về công nghệ thông tin để thúc đẩy nghiên cứu và triển khai các ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm cải tiến phương pháp dạy và học ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của thực tế.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy, việc giảng dạy các học phần Tiếng Nhật tổng hợp tại Trường Đại học Ngoại thương còn có những bất cập về nội dung chương trình (chưa phân bổ đồng đều thời lượng cho bốn kĩ năng, tỉ lệ thực hành - lí thuyết còn chưa hợp lí), phương pháp giảng dạy còn chưa linh hoạt, hình thức kiểm tra đánh giá chưa đa dạng, cơ sở vật chất chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của hoạt động giảng dạy. Để nâng cao chất lượng giảng dạy Tiếng Nhật tổng hợp, tác giả đề xuất nhóm giải pháp cần thực hiện đồng bộ. Trong đó, quan trọng nhất là phải thiết kế nội dung giảng dạy một cách linh hoạt để người học tự xây dựng cho mình lộ trình học tập phù hợp với năng lực và đạt hiệu quả cao. Đồng thời, phương pháp kiểm tra đánh giá cần điều chỉnh đa dạng hơn để có thể đánh giá một cách toàn diện và chính xác năng lực của sinh viên.

Lời cảm ơn: Bài viết là sản phẩm của đề tài cấp cơ sở “Nâng cao chất lượng giảng dạy các học phần Tiếng Nhật tổng hợp tại Trường Đại học Ngoại thương”, Mã số: NTCS2021-72.

Tài liệu tham khảo

- [1] Cao Lê Dung Chi, (2017), *Dạy và học tiếng Nhật trong thời đại toàn cầu*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, tập 14, số 4, tr.58-69
- [2] Nguyễn Thị Phương Thảo, (2017), *Yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy của giảng viên*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nghiên cứu Giáo dục, Tập 33, Số 2, tr.14-22.
- [3] Nguyễn Thanh Vân, (2015), *Cải tiến giảng dạy ngoại ngữ: Hành động của giáo viên và phản hồi của sinh viên*, Ngôn ngữ & đời sống, Số 12 (242), tr.71-76.
- [4] Gurney, P, (2007), *Five Factors for Effective Teaching*, New Zealand Journal of Teachers' Work, 4 (2), pp.89-98.
- [5] Suarman, Aziz, Z. & Yasin, R.M, (2013), *The Quality of Teaching and Learning towards the Satisfaction among the University Students*, Asian Social Science; 9 (12).
- [6] Toland, M. D., & De Ayala, R. J, (2005), *Validity Studies: A Multilevel factor analysis of students' evaluations of teaching*, Lincoln, Educational and Psychological Measurement, 65(2), pp.272-296.
- [7] 村岡 (2001), 「専門日本語教育の現状と将来の方

- 向 : パネルセッション報告」, 専門日本語教育研究, 3 : pp 5-19.
- [8] 片岡裕子 當作靖彦 古山弘子 (2001), 「アメリカ合衆国における言語政策と日本語教育」, 世界の日本語教育〈日本語教育事情報告編〉第 6 号, 国際交流基金日本語国際センター, pp.131-151.
- [9] 牛田 (2007), 「ナショナル スタンダードの日本語教育への応用 —国際関係大学院における日本語カリキュラムの開発—」, 世界の日本語教育, 第 17号, pp.187-205.

ASSESSING THE TEACHING QUALITY OF GENERAL JAPANESE MODULES AT FOREIGN TRADE UNIVERSITY

Dinh Thi Ngoc Quynh

Email: quynhdtjnp@ftu.edu.vn
Foreign Trade University
91 Chua Lang, Dong Da, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *General Japanese Modules are vital to training programs majoring in Business Japanese at Foreign Trade University. These basic credits lay the knowledge foundation for skills and major modules. This paper analyzes the survey data of more than 200 students and alumni to evaluate the current situation of Japanese teaching. Suggestions to improve the quality of teaching will be raised accordingly based on the survey results.*

KEYWORDS: *Assessment, general Japanese, teaching quality.*